

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGOÀI CÔNG LẬP CẦN NHỮNG TƯ DUY MỚI

NGUYỄN THANH SƠN*

Ngày nhận bài: 28/03/2017; ngày sửa chữa: 10/04/2017; ngày duyệt đăng: 11/04/2017.

Abstract: Private higher education has gained achievements recently, contributing to socio-economic development of our country. However, the out-of-date management thinking as well as lack of legal framework leads to shortcomings in private high education development. Therefore, changing the management mind of private higher education development is required to meet requirements of education reform and catch up with current education trend in region and the world.

Keywords: Higher education, private higher education, education policy, education mind.

Giao dục đại học ngoài công lập (GDĐHNCL) là “sản phẩm” của quá trình đổi mới kinh tế của đất nước, vì vậy thực tiễn hoạt động của đại học ngoài công lập (ĐHNCL) đang dần tiếp cận với thị trường. Tuy nhiên, chính sách và “hành lang pháp lý” cho GDĐHNCL chưa phản ánh đầy đủ quy luật của thị trường đang là rào cản đối ĐHNCL; chưa có văn bản pháp lý nào đề cập đến “hàng hóa, dịch vụ và thị trường giáo dục”, trong khi giá trị của nó được tính vào GDP; không làm rõ khái niệm “lợi nhuận” trong giáo dục mô hình quản trị đại học; không thừa nhận thương mại trong giáo dục.

Tại Việt Nam, để giáo dục đại học nói chung và ĐHNCL nói riêng phát triển cần làm rõ cơ sở lý luận vấn đề: thương mại hóa giáo dục Việt Nam; hàng hóa, dịch vụ, thị trường giáo dục; sở hữu và lợi nhuận trong giáo dục; mô hình quản trị đại học. Đây là cơ sở để hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển.

1. Sự hình thành, phát triển và kết quả của GDĐHNCL

Vào đầu những năm 80 của thế kỷ XX, tình hình thế giới diễn ra những biến đổi to lớn, chế độ xã hội chủ nghĩa theo mô hình Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, phong trào cộng sản và công nhân thế giới lâm vào thoái trào. Cục diện thế giới đã tác động sâu sắc đến tình hình trong nước. Việt Nam bị các thế lực thù địch bao vây cấm vận, tình hình KT-XH trì trệ, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn. Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã không còn phù hợp, thiếu sức sống, kìm hãm sự phát triển sáng tạo của xã hội. Để thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế, xã hội giữ vững ổn định chính trị, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI năm 1986, Đảng ta đã quyết tâm tiến hành công cuộc đổi

mới đất nước, tập trung đổi mới tư duy mà trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thừa nhận nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với chế độ đa sở hữu, tôn trọng quy luật khách quan. Đổi mới tư duy kinh tế đã tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội, làm chuyển động cả hệ thống, trong đó có hệ thống giáo dục.

Bối cảnh KT-XH tác động buộc giáo dục phải có những thay đổi. Năm 1987 (sau một năm đổi mới), giáo dục đã có những cải cách quan trọng trong nhận thức đó là: đào tạo không chỉ đáp ứng thành phần kinh tế quốc doanh và biên chế nhà nước mà phải đáp ứng mọi thành phần kinh tế và nhu cầu xã hội; có kế hoạch linh hoạt, mềm dẻo, đa dạng cả đào tạo phi chính quy không bằng ngân sách nhà nước mà cả thu học phí; xóa bỏ cơ chế bố trí việc làm cho người tốt nghiệp, huy động mọi nguồn lực tài chính cho giáo dục, chấp nhận tình trạng không đồng đều cách làm đa dạng. Tư duy đổi mới quản lý nhà nước đối với hệ thống giáo dục được hình thành từ đây và được thể chế hóa bằng các chủ trương chính sách theo tinh thần mới (một số học giả đã ví sự đổi mới trên như là “một khoản mười trong giáo dục”), giáo dục đã xuất hiện nhân tố ngoài nhà nước và các loại hình cung ứng mới.

Trên tinh thần ấy, năm 1998, Nhà nước đã cho phép thành lập Trung tâm Đại học Thăng Long (Đại học Thăng Long) mô hình thí điểm loại trường ĐHNCL ở Việt Nam. Đặc điểm của mô hình là huy động ngân sách từ nguồn ngoài nhà nước, tự chủ về tài chính, tổ chức và bộ máy. Sau 05 năm hoạt động thí điểm, đến hết năm 2012 cả nước có 54 trường đại học và 30 trường cao đẳng ngoài công lập, với quy mô sinh viên

* Đảng ủy Khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội

đại học, cao đẳng lên đến 336.998 sinh viên (trong đó số sinh viên cao đẳng: 144.014; sinh viên đại học là 336.998). Báo cáo cũng khẳng định “sự phát triển của các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập đã hình thành mô hình quản trị đại học mới, góp phần hoàn thiện về lý luận và làm phong phú thực tiễn giáo dục đại học Việt Nam. Với tư cách là mô hình mới, tự chịu trách nhiệm về tài chính, có đặc thù riêng về quản trị đại học, đã tạo sự cạnh tranh bình đẳng với các cơ sở giáo dục đại học công lập. Trên cơ sở mô hình tự chủ, cạnh tranh và phát triển, nhà nước có điều kiện thay đổi cách thức quản lý đối với hệ thống giáo dục đại học nói chung theo hướng tự chủ và hiện đại” [1; tr 3-4].

Mặc dù giữa chính sách với thực tiễn còn khoảng cách, song trong tư duy nhà nước đã dần mở cửa cho thị trường đến với giáo dục, cho phép tư nhân đầu tư vào giáo dục, công nhận chế độ sở hữu. Chính tư duy đổi mới giáo dục được hiện thực qua các chủ trương chính sách, các quy phạm pháp luật, đã mở ra cơ hội phát triển các trường ĐHNCL với những kết quả nêu trên.

2. Những tồn tại, hạn chế của ĐHNCL

Tuy đạt được những kết quả bước đầu song sự phát triển của GDĐHNCL chưa tương xứng với tiềm năng, chưa đáp ứng yêu cầu của đổi mới kinh tế, bộc lộ những tồn tại, yếu kém, mà nguyên nhân xuất phát từ nhận thức chủ quan trong nhận định hoạch định chính sách. Cụ thể:

- *Vấn đề hoạch định chính sách:* Trong các văn bản quan trọng nhất như: *Chiến lược phát triển giáo dục 2011- 2020* (Ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/6/2012; *Quyết định số 37/2013/QĐ-TT, của Thủ tướng Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020*) đề cập đến ĐHNCL còn mờ nhạt.

Rõ ràng giáo dục bậc cao làm tăng năng suất lao động, giá trị của nó được tính vào GDP đó là nền kinh tế tri thức. Khi sản phẩm mang hàm lượng tri thức cao, có sức cạnh tranh, nó mang đầy đủ thuộc tính của hàng hóa dịch vụ và đã là hàng hóa phải có thị trường. Khi mà giáo dục đại học ngày nay đã trở thành giá trị phổ quát, là nhu cầu hoàn thiện của mỗi cá nhân, hướng tới học tập suốt đời và quyền được tiếp cận giáo dục bậc cao, từ nhận thức giáo dục là lợi ích công, Nhà nước phải chu cấp, đến thay đổi tư duy học đại học là đầu tư cho tương lai, vì vậy người học phải trả phí. Số người học đại học sẽ tăng cao, cung phải có cầu, trong khi ngân sách nhà nước có hạn phải huy động nguồn lực bên ngoài, chấp nhận đầu tư tư nhân nhằm huy động mọi nguồn vốn xã hội đầu tư cho giáo

dục, mở cửa cho thị trường đến với giáo dục. Như vậy, giáo dục ngày nay không chỉ nhà nước và đại học mà còn có thêm yếu tố thị trường, người học có quyền tự lựa chọn hàng hóa dịch vụ phù hợp khả năng của mình. Mặt khác yếu tố thị trường còn quan trọng ở chỗ tạo sự công khai, minh bạch, cạnh tranh, người mua biết được chất lượng cái mình đang mua, nếu chưa phù hợp thì chọn cái khác. Nếu không có thị trường, người mua chỉ có một sự lựa chọn và biết rất ít về cái mà họ đang mua, chính điều đó đã tạo những tiêu cực. Nói cụ thể hơn thị trường chính là tự chủ, là trách nhiệm xã hội; trách nhiệm với người học, trách nhiệm với chất lượng giáo dục, với xã hội, đảm bảo công khai minh bạch, cạnh tranh để phát triển. Rất tiếc những vấn đề nêu trên còn đang có nhiều bàn luận ngay trong cả các cơ quan hoạch định chính sách.

- *Vấn đề lợi nhuận trong giáo dục.* Theo **Luật Giáo dục đại học năm 2012** “cấm lợi dụng các hoạt động giáo dục đại học vì mục đích vụ lợi” [2]. Song không một văn bản pháp quy nào viện dẫn “thế nào vụ lợi”, vì vậy mọi người sợ nói đến lợi nhuận. Thực tế nhà đầu tư không đầu tư vào lĩnh vực khác mà đầu tư vào giáo dục đã là có tâm rồi, ngoài các chi phí khác, tích lũy một phần để phát triển và chia lãi một phần thì có gì phải né tránh. Nhiều ý kiến lo lắng các nhà đầu tư, đầu tư vào giáo dục sẽ tận dụng tối đa lợi nhuận, chất lượng giáo dục chỉ được coi là thứ yếu, suy diễn như vậy chưa toàn diện. Nếu không đảm bảo chất lượng, không đáp ứng yêu cầu người học thì trường học sẽ không có người học, do đó lấy đâu ra lợi nhuận, chưa nói đến duy trì và phát triển. Vì vậy, bài toán đặt ra cho ĐHNCL là muốn có lợi nhuận thì phải có chất lượng và ngược lại, cho nên lợi nhuận và chất lượng luôn phải song hành. Chính sự không tương minh khái niệm trên đã tạo ra sự nhập nhằng, thiếu minh bạch, mà minh chứng là trường nào cũng có thể nhận mình là “phi lợi nhuận”, để được hưởng các ưu đãi của Nhà nước.

- *Vấn đề sở hữu và phân chia tài sản.* *Quyết định số 63/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy chế tổ chức và hoạt động của đại học tư thục*, quy định tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của trường đại học dân lập chuyển sang tư thục chuyển thành vốn thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của trường đại học tư thục. Vốn thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia này được chia thành cổ phần để tính cổ tức. Cổ tức thu được dùng để bổ sung vốn thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia, tăng thêm vốn tích lũy của trường đại học tư thục. Đại diện phần vốn thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của trường đại học dân lập chuyển sang do tập thể người góp vốn và thành viên

sở hữu của trường đại học dân lập bầu ra. Đại diện phần vốn thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia có đầy đủ các quyền như các cổ đông góp vốn khác, được tham dự đại hội cổ đông và biểu quyết tất cả các vấn đề của đại hội cổ đông. Như vậy, cổ đông này sẽ đại diện cho cổ phần rất lớn của trường tư thực được chuyển đổi từ dân lập; và khi trường phát triển tích lũy càng nhiều thì phần tài sản không phân chia càng lớn, đại diện cổ đông này sẽ quyết định tất cả các vấn đề, vai trò của người góp vốn không còn nữa, vì tài sản tăng thêm được tích lũy trong quá trình hoạt động của cơ sở đại học tư thực là tài sản chung không chia. Cũng chính cổ đông đặc biệt đại diện cho phần tài sản chung hợp nhất không phân chia từ trường dân lập chuyển thành tư thực mà một số trường hiện nay chưa chuyển đổi sang tư thực được vì các cổ đông không thống nhất được việc phân chia tài sản.

Quyết định số 63/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, quy định tài sản tăng thêm nhờ kết quả hoạt động của trường đại học tư thực thuộc sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia. **Luật Giáo dục Đại học năm 2012** quy định giá trị tài sản được tích lũy trong quá trình hoạt động của cơ sở giáo dục đại học tư thực là tài sản chung không phân chia. Nếu xét ở góc độ giáo dục là lợi ích công, nhà nước bỏ vốn để đầu tư cho giáo dục, thì chính là đầu tư cho phát triển. Còn khi kêu gọi “xã hội hóa”, huy động nguồn vốn của cá nhân đầu tư vào giáo dục mục tiêu cũng hướng tới một xã hội phát triển, thế mà tài sản tích lũy được trong quá trình hoạt động của ĐHNCL lại là tài sản chung không chia, như vậy đã triệt tiêu đi động lực các nhà đầu tư vào giáo dục, không muốn đầu tư dài hạn. Vì vậy, các trường hoạt động cầm chừng trông chờ chính sách; một số trường loay hoay “lách luật” và đây cũng là nguyên nhân dẫn đến các tiêu cực.

- *Vấn đề cơ cấu tổ chức của hội đồng quản trị.* Quyết định số 63/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định, thành viên Hội đồng quản trị của trường đại học tư thực phải là cổ đông đại diện cho tổ chức, hoặc cá nhân có số cổ phần đóng góp đạt mức cần thiết theo quy định của trường. Quy định này đã ngăn cản các nhà giáo, nhà khoa học, nhà quản lý có kinh nghiệm tham gia Hội đồng quản trị trong trường hợp không có vốn góp. Vì vậy, đã có nhiều ý kiến cho rằng sau khi trường chuyển đổi sang tư thực, người sáng lập, nhà giáo, nhà khoa học bị “loại ra” ngoài trở thành người làm thuê; trong khi chưa coi trọng, thương hiệu là hàng hóa thì chẳng thể định giá quy thành vốn góp được. Khắc phục điều này, **Luật Giáo dục đại học năm 2012** quy định thêm thành phần đương nhiên tham gia Hội

đồng quản trị là hiệu trưởng, đại diện cơ quan quản lý ở địa phương nơi có cơ sở giáo dục đại học có trụ sở; đại diện tổ chức đảng đoàn thể; đại diện giảng viên là thành phần đương nhiên không cần vốn góp nhằm hạn chế xu hướng thuần túy lợi nhuận.

Những vấn đề tồn tại, hạn chế nêu trên cho thấy, chúng ta còn lúng túng, thiếu nhất quán trong xây dựng chính sách đang đặt các trường ĐHNCL trước những khó khăn. Rõ ràng đổi mới kinh tế chưa “thấm sâu” đến giáo dục gần như có sự chậm trễ, chần chừ, do dự, trong bổ sung, hoàn thiện chính sách. Chúng ta lo lắng cơ chế thị trường thâm nhập sâu vào giáo dục sẽ làm lệch hướng mục tiêu giáo dục, muốn duy trì một cơ chế bảo đảm, song vấn đề trên không thể giải quyết bằng những giải pháp tình thế mà phải giải quyết vấn đề tận gốc. Đó là quan điểm tiếp cận giáo dục đại học theo hướng phát triển trong thể chế kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

3. Một số ý kiến về phát triển GDĐHNCL

- Cần nhận thức sâu sắc và đầy đủ việc thực hiện *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*. Nhằm nâng cao nhận thức, quan điểm trong xây dựng thể chế kinh tế thị trường, chính sách đối với giáo dục đại học phải trên nền tảng của thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, tạo động lực để giáo dục đại học phát triển.

- *Từ quan điểm kinh tế nhà nước đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế*, Đại hội lần thứ XII của Đảng đã xác định phát triển khu vực kinh tế tư là động lực của phát triển kinh tế. Sự đổi mới mạnh mẽ trong tư duy kinh tế đang tác động tích cực đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội tạo ra một quốc gia khởi nghiệp. Tương tự như vậy, đổi mới giáo dục phải tương ứng với đổi mới kinh tế là động lực phát triển kinh tế và dẫn dắt nền kinh tế. Trên cơ sở đó, Nhà nước hoàn thiện chính sách, pháp luật về “hàng hóa dịch vụ giáo dục và thị trường”, chấp nhận lợi nhuận hợp lý trong giáo dục, tạo động lực thu hút đầu tư vào giáo dục.

- *Việt Nam đang hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng*, chúng ta đã tham gia vào hầu hết các chế định, thể chế kinh tế khu vực và quốc tế sau khi trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới WTO. Các nước trên thế giới như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Brazil, Malaysia, Philippines, Indonesia, Columbia, Mexico và cả Hoa Kỳ đều sớm coi giáo dục là một ngành thương mại. Đây không chỉ cung cấp nguồn nhân lực bậc cao cho phát triển KT-XH mà còn là “cỗ máy” tăng trưởng kinh tế khi thu hút

sinh viên quốc tế đến học. Điều đó cho thấy Việt Nam cần sớm có chiến lược xây dựng đại học đẳng cấp quốc tế, coi giáo dục là một ngành thương mại đáp ứng yêu cầu của sinh viên trong nước, cũng như thu hút sinh viên quốc tế, từng bước tham gia thị trường xuất - nhập khẩu giáo dục quốc tế. Đồng thời khẳng định vị thế giáo dục trên trường quốc tế, góp vào phần tăng trưởng kinh tế của đất nước.

- Về cơ cấu tổ chức ĐHNCL. Để đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư, cũng như mục tiêu của giáo dục, cần hoàn thiện chính sách về “hàng hóa dịch vụ, thị trường giáo dục” bởi khi trí tuệ, chất xám, thương hiệu được coi là “hàng hóa” thì mới định giá được; và đó sẽ là “vốn” để các nhà giáo, nhà khoa học tham gia vào Hội đồng quản trị, vì có người có vốn nhưng chưa chắc đã hiểu biết về giáo dục. Kinh nghiệm các nước, thành phần tham gia Hội đồng quản trị ngoài người góp vốn, còn có các chính khách, các nhà khoa học, nhà quản lí, các chủ doanh nghiệp, nhà hoạt động xã hội. Chính trí tuệ, thương hiệu của họ đã là “vốn” làm cho nhà trường phát triển và vốn bằng trí tuệ, thương hiệu, chất xám sẽ không bao giờ phá sản, đồng thời đảm bảo mục tiêu giáo dục.

Thế giới đã bước vào cuộc “cách mạng công nghiệp” lần thứ tư, đang đặt ra những cơ hội và thách thức vô cùng to lớn đối với Việt Nam trong tiến trình phát triển. Để có thể vững vàng hội nhập và cùng tiến

với các nước trong khu vực, một trong ba khâu đột phá quan trọng mà nghị quyết đại hội Đảng đề ra đó chính là phát triển GD-ĐT, nhằm tạo ra nguồn nhân lực bậc cao đáp ứng yêu cầu phát triển. Để làm được điều đó cần đổi mới tư duy, quan điểm mở cửa mạnh mẽ cho thị trường đến với giáo dục trên cơ sở đó xây dựng chính sách đối với GD-ĐT thông thoáng hơn vượt qua những rào cản phù hợp với thể chế kinh tế thị trường, chỉ có như vậy mới thu tiềm năng to lớn trong xã hội đầu tư cho giáo dục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Hiệp hội các trường đại học và cao đẳng ngoài công lập Việt Nam. *Báo cáo tổng kết 20 năm phát triển mô hình giáo dục đại học ngoài công lập ở Việt Nam (1993-2013)*, ngày 26/9/2013 tại Hà Nội.
- [2] Quốc hội (2012). *Luật Giáo dục đại học*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [3] Dương Tấn Diệp (2012). *Quyền sở hữu tài sản các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập dưới góc nhìn theo quan điểm phát triển*. Tạp chí Phát triển và Hội nhập, số 05, tr 73.
- [4] Lê Phước Minh (2010). *Chính sách quản lí xuất nhập khẩu giáo dục đại học*. NXB Thế giới.
- [5] Thủ tướng Chính phủ. *Quyết định số 63/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/11/2011 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục*.

Thiết kế tình huống dạy học...

(Tiếp theo trang 43)

Đối chiếu với bảng giá trị lượng giác của các góc đặc biệt [2; tr 37], HS có thể liên tưởng, phán đoán rằng BC có mối liên hệ nào đó với 2R và sinA.

Hoạt động 2. Kiến tạo định lí (tương tự như Hoạt động 2, trình bày trong Cách 1).

3. Kết luận

Trên đây là một số cách thức thiết kế một tình huống dạy học định lí sin (Hình học 10). GV có thể thông qua các cách tiếp cận khác nhau (liên hệ với thực tiễn, liên hệ với chính nội dung định lí) để tổ chức cho HS kiến tạo định lí theo các cách khác nhau. Trong quá trình hoạt động kiến tạo, HS sẽ có niềm vui, niềm tin vào khả năng khám phá, kiến tạo tri thức. Đồng thời, qua bài dạy này, ngoài việc trang bị kiến thức cho HS, ta còn rèn luyện cho HS các hoạt động trí tuệ như: dự đoán, thử chọn, đặc biệt hoá, khái quát hoá,... nhằm phát triển năng lực tư duy, năng lực giải quyết vấn đề. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Bá Kim (2007). *Phương pháp dạy học môn Toán*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Trần Văn Hạo (tổng chủ biên, 2006) - Nguyễn Mộng Hy (chủ biên) - Nguyễn Văn Đoàn - Trần Đức Huyền. *Hình học 10*. NXB Giáo dục.
- [3] Trần Văn Hạo (tổng chủ biên, 2006) - Nguyễn Mộng Hy (chủ biên) - Nguyễn Văn Đoàn - Trần Đức Huyền. *Hình học 10 - Sách giáo viên*. NXB Giáo dục.
- [4] Đoàn Quỳnh (tổng chủ biên, 2006) - Văn Như Cương (chủ biên) - Phạm Vũ Khuê - Bùi Văn Nghị. *Hình học 10 (nâng cao)*. NXB Giáo dục.
- [5] Đoàn Quỳnh (tổng chủ biên, 2006) - Văn Như Cương (chủ biên) - Phạm Vũ Khuê - Bùi Văn Nghị. *Hình học 10 - Sách giáo viên (nâng cao)*. NXB Giáo dục.
- [6] Lê Thị Hoài Châu (2015). *Dạy học hình học ở trường trung học phổ thông*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [7] Bùi Văn Nghị - Nguyễn Tiến Trung - Hoàng Ngọc Anh - Đỗ Thị Trinh (2015). *Dạy học hình học ở trường trung học phổ thông theo hướng giúp học sinh kiến tạo tri thức*. NXB Giáo dục Việt Nam.